

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ và công bố Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyên đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 10/TTr-SKHHCN ngày 20/3/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ và công bố Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Chuyên đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu thông qua việc sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số được tích hợp, kết nối, chia sẻ đồng bộ, thông suốt giữa các bộ, ngành, địa phương; ứng dụng công nghệ hiện đại để hỗ trợ tổng hợp, báo cáo, phân tích dữ liệu.

- Đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ, sử dụng, tái sử dụng thông tin, dữ liệu giữa tỉnh với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; bảo đảm quy trình trong chỉ đạo, điều hành được chặt chẽ, chuyên nghiệp, tổng thể, bao quát, linh hoạt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động chỉ đạo, điều hành.

II. MỤC TIÊU

1. Năm 2025

- Xây dựng, hình thành, thu thập, tổng hợp các nhóm chỉ số về kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng; nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành các tình huống khẩn cấp, cấp bách trên địa bàn tỉnh.

- Phân đầu 50% chỉ tiêu thống kê của tỉnh được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ 38 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều của tỉnh với các bộ, ngành Trung ương (*tập trung vào các dữ liệu hành chính của các ngành: Kế hoạch, Ngân hàng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường*).

- Phân đầu 100% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Nghị quyết số 02/NQ-CP 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 và Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- Phân đầu 100% thông tin, dữ liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, 100% các chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công được kết nối, tích hợp phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phân đầu 100% các thông tin, dữ liệu của tỉnh được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Trung ương.

- Phân đầu 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

2. Đến năm 2030

- Phát triển Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh dựa trên dữ liệu.

- Phân đầu 100% các chỉ tiêu thống kê của tỉnh được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ và giải pháp

1.1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

a) Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Thực hiện rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết công việc, theo dõi, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử để tạo thuận lợi trong việc thu thập, tạo lập dữ liệu số và kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

1.2. Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành

a) Điều chỉnh Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh theo Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử của tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.
- Thời gian thực hiện: tháng 06/2025.

b) Kết nối Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống thông tin điều hành của tỉnh; đồng thời, kết nối với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

1.3. Phát triển dữ liệu số, thúc đẩy kết nối, chia sẻ phục vụ chỉ đạo, điều hành

a) Kết nối, tích hợp, chia sẻ 38 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều với các bộ, ngành, địa phương.

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu cấp huyện; kết nối, tích hợp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường điện tử.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Duy trì nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của Trung ương.

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

1.4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh trên môi trường điện tử tỉnh Đắk Nông chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Tổng hợp tình hình cập nhật dữ liệu của cơ quan, đơn vị báo cáo về UBND tỉnh định kỳ hàng quý, năm và đột xuất. Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các đơn vị, địa phương dựa trên dữ liệu số; kiến nghị, đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc thực hiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Thực hiện khai thác, sử dụng theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phục vụ yêu cầu theo dõi, đánh giá và giám sát các nhiệm vụ dựa trên dữ liệu số.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh chia sẻ các thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và phiên họp về kinh tế - xã hội Chính phủ thường kỳ.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai đến các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến về công tác hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường điện tử.

5. Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh trên môi trường điện tử của tỉnh được giao tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm về tính chuẩn hóa, chính xác, thống nhất, an toàn, bảo mật, liên tục, thông suốt về thông tin, dữ liệu của các chỉ số được giao.

- Định kỳ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ và công bố Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo. / *Sth*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Chi cục Thống kê tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực XIV;
- Ngân hàng nhà nước khu vực 11;
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXV;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Q).

4



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 197 /KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
A	Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng						
I	Chỉ số giá						
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)		Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước		Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Chỉ số giá vàng (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)		Toàn tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Chỉ số giá đô la Mỹ (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)		Toàn tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
II	Tài chính - ngân sách nhà nước						
1	Thu ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)		Toàn tỉnh	Ngày/Tháng	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Chi ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán)		Toàn tỉnh	Tháng	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Giải ngân vốn đầu tư công		Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành, huyện, thành phố	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN (tổng thu các sắc thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, ... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
III	Ngân hàng						
1	Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ		Toàn tỉnh	Ngày		Ngân hàng nhà nước khu vực 11	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Lãi suất tiền gửi và cho vay		Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng nhà nước khu vực 11	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Lãi suất liên ngân hàng		Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng nhà nước khu vực 11	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Tổng phương tiện thanh toán		Toàn tỉnh	Tháng		Ngân hàng nhà nước khu vực 11	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)/loại hình kinh tế	Ngân hàng nhà nước khu vực 11	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
IV	Tài chính						
1	Doanh nghiệp (đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể, ...)		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Đấu thầu (tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu)		Toàn tỉnh	Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể)		Toàn tỉnh	6 Tháng/ Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh, ...)		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Đầu tư nước ngoài (vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...)		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Đầu tư ra nước ngoài (đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tăng vốn...)		Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Dự án đầu tư công (số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...)		Toàn tỉnh	Quý	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
V	Công Thương						
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu					Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.1	Đá xây dựng các loại	m ³	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.2	Khai thác quặng các loại	tấn	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.3	Nước máy	m ³	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Điện năng (nguồn, phụ tải, năng lượng tái tạo, nhập khẩu...)	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3.1	Điện sản xuất	kWh	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3.2	Điện thương phẩm	kWh	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
VI	Nông nghiệp						
1	Xuất khẩu ngành nông nghiệp						
1.1	Xuất khẩu các sản phẩm chế biến	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.2	Xuất khẩu ván ép, tre ghép, viên nén	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
2	Nhập khẩu ngành nông nghiệp						
2.1	Nhập khẩu các sản phẩm chế biến	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.2	Nhập khẩu gỗ	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Xuất khẩu gạo	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Sản lượng lúa	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (<i>nâng cao, kiểu mẫu...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Số lượng huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Diện tích rừng bị thiệt hại (<i>bị chặt phá, bị cháy...</i>)	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
8	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
VII	Xây dựng						
1	Dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải (<i>dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân; tiến độ thực hiện, vướng mắc, kiến nghị...</i>)	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
VIII	Các ngành dịch vụ khác						
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lữ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)		Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Chi cục Thống kê, Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.1	Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng			
1.2	Dịch vụ lưu trú ăn uống	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng			
1.3	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng			
2	Số lượt khách quốc tế	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)		Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)		Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Phương thức vận tải	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
6	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải		Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Thương mại điện tử (<i>doanh thu, tốc độ tăng trưởng, quy mô thị trường...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng/ Năm	Ngành kinh tế, khu vực kinh tế	Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7.1	Doanh thu và quy mô	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Năm		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
IX	Bảo hiểm xã hội						
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN						
1.1	Bảo hiểm xã hội						
	Số người tham gia BHXH	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.2	Bảo hiểm thất nghiệp						
	Số người tham gia BHTN	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN	%	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
1.3	Số người tham gia BHYT	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN						
2.1	Số người giải quyết hưởng mới chế độ BHXH	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số người hưởng BHXH hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số người hưởng trợ cấp BHXH một lần	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số người hưởng chế độ ốm đau	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số người hưởng chế độ thai sản	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số người hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.2	Số người giải quyết thưởng mới chế độ BHTN	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
2.3	Số người khám chữa bệnh BHYT	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Thu BHXH, BHYT, BHTN						
3.1	Thu BHXH	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3.2	Thu BHTN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3.3	Thu BHYT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Chi trả BHXH, BHYT, BHTN						
4.1	Chi BHXH						
	Chi BHXH nguồn NSNN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Chi BHXH nguồn quỹ BHXH	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4.2	Chi BHTN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4.3	Chi BHYT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm		Bảo hiểm xã hội khu vực XXV	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tử		
X	Quản lý xã hội, an ninh trật tự, thanh tra						
1	Về công tác phòng chống tội phạm						
1.1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	%	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.2	Tỷ lệ điều tra khám phá án (án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng)	%	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.3	Cơ cấu tội phạm (tội phạm về trật tự xã hội; tội phạm về kinh tế, tham nhũng; tội phạm về ma túy; tội phạm về công nghệ cao)	%	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Phòng cháy, chữa cháy (<i>số vụ, số người chết, bị thương, thiệt hại...</i>)						
2.1	Số vụ cháy, nổ	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.2	Số người chết	Người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.3	Số người bị thương	Người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.4	Thiệt hại tài sản	Đồng	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	An toàn giao thông (<i>số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương</i>)		Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Ngộ độc thực phẩm (<i>số vụ, số người bị ngộ độc, số người chết...</i>)	Số vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tử		
5	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (số người nhiễm, số người tử vong...)	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Phòng, chống tội phạm (ma túy; công nghệ cao; quản lý kinh tế; tham nhũng, tội phạm có tổ chức...)		Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Công tác thanh tra (thanh tra hành chính; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; kế hoạch thanh tra...)		Toàn tỉnh	Tháng	Không	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
8	Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (cuộc tiếp công dân; tiếp nhận đơn thư; giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo ...)		Toàn tỉnh	Tháng	Không	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
XI	Lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo						
1	Lao động (lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp, ...)	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/ cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
2	Giáo dục nghề nghiệp (<i>cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp,...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật		Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Huyện, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Bảo trợ xã hội (số người được trợ cấp xã hội hàng tháng; số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng; số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận; số người khuyết tật được cấp thẻ bảo hiểm y tế)	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Huyện, thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Giáo dục và đào tạo (<i>Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên</i>)	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Huyện, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5.1	Giáo dục Mầm non						
	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số học sinh	Trẻ	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5.2	Giáo dục Tiểu học						
	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
	Số học sinh	HS	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5.3	Giáo dục Trung học						
	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số học sinh	HS	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5.4	Giáo dục Thường xuyên						
	Số trường	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	Số học viên	HV	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
XII	Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số						
1	Công chức, viên chức (<i>biên chế hưởng lương từ NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
5	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh	%	Toàn tỉnh	06 tháng /năm		Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	%	Sở, ngành/ huyện, thành phố	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
8	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương	Điểm	Sở, ngành/ huyện, thành phố	Năm		Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
XIII	Nhóm chỉ số theo dõi giám sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương		Toàn tỉnh	Tháng		UBND huyện, thành phố	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
B	Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm						
1	Tốc độ GRDP của các địa phương		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người		Toàn tỉnh	Năm		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân		Toàn tỉnh	Tháng/Năm		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
5	Tốc độ tăng năng suất lao động		Toàn tỉnh	Năm		Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ		Toàn tỉnh	Quý/Năm			Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Chi cục Thống kê, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều		Toàn tỉnh	Năm	Cả nước/dân tộc thiểu số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	Toàn tỉnh	Năm	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Số giường	Toàn tỉnh	Năm	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm		Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới		Toàn tỉnh	Quý/Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
C	Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới		Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...	%	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
1.2	Số lượng huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới,...	Huyện	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Theo Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi		Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải	Công trình/Dự án	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng		Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ		
D	Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn						
1	Các thông tin về khí tượng thủy văn (<i>số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn</i>)		Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2	Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai (<i>hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển</i>)	Công trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.1	Hồ chứa thủy lợi	Công trình	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
2.2	Hồ thủy điện	Công trình	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Công Thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
3	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
4	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hỏa hoạn, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác	Hộ/người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh



STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Cơ quan thực hiện	Phương pháp thu thập
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tử		
5	Tổng số gạo hỗ trợ	Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/ Năm	Huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
6	Các dữ liệu về bản đồ và ảnh viễn thám (<i>bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt, ảnh vệ tinh...</i>)	Tờ	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh
7	Các thông tin dữ liệu về công trình giao thông vận tải (<i>điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...</i>)		Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh